

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2022/DS-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Ban

2. Ông Phạm Ngọc Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-DS ngày 04/7/2022 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh Y, sinh năm 1957. Địa chỉ: 37 đường H, phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở hiện nay: Đường C, Tổ 12, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Y, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh Y trình bày:

Vào ngày 28/9/2020, ông cho chị Nguyễn Thị T ở tại tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L mượn số tiền 30.000.000đồng để buôn bán kinh doanh trái cây tại Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, thời hạn trả là ngày 28/02/2021, các bên không thỏa thuận lãi suất.

Vào ngày 30/9/2020 ông tiếp tục cho chị Nguyễn Thị T mượn thêm 70.000.000đồng để buôn bán kinh doanh trái cây tại Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 3 tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020, các bên không thỏa thuận lãi suất.

Các lần mượn tiền hai bên có viết giấy mượn tiền với nhau, ông đã giao đủ tiền cho chị Nguyễn Thị T và chị T đã nhận đủ tiền, chị T ký xác nhận bên mượn phía dưới góc trái ký tên đã nhận đủ tiền với ông. Quá thời hạn mượn tiền, ông đã đòi nhiều lần nhưng chị T trốn tránh không trả nợ cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho ông tổng nợ gốc là 100.000.000đồng và nợ lãi phát sinh theo mức lãi 0,83%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/9/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây chị có hộ khẩu thường trú tại Thôn 9, xã M, huyện L, sau đó chị chuyển hộ khẩu đến tổ dân phố C, thị trấn N, huyện L, sau đó chị chuyển lên thành phố Đ sinh sống có quen biết ông Lê Minh Y cư trú tại số 37 đường H, Phường 7, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vào ngày 28/9/2020 chị có vay của ông Y số tiền là 30.000.000đồng, mục đích mượn để về buôn bán trái cây, thời hạn trả nợ là ngày 28/02/2021, khi vay tiền hai bên có viết giấy tay không thỏa thuận lãi suất, chị đã nhận đủ tiền. Chữ ký và chữ viết trong giấy mượn ngày 28/9/2020 phía bên vay tiền là của chị viết và ký với ông Y. Đến ngày 30/9/2020 chị tiếp tục vay thêm của ông Y số tiền là 70.000.000đồng, mục đích mượn để về buôn bán trái cây, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 30/9/2020 đến ngày 30/12/2020), khi vay tiền hai bên có làm giấy tay không thỏa thuận lãi suất, chị đã nhận đủ tiền. Chữ ký và chữ viết trong giấy mượn ngày 30/9/2020 phía bên vay tiền là của chị viết và ký với ông Y, bản chính 02 giấy mượn tiền là do ông Y giữ. Tổng cộng chị vay của ông Lê Minh Y là 100.000.000đồng chữ ký và chữ viết phía góc trái bên mượn tiền, đã nhận đủ tiền là của chị viết ra.

Sau khi mượn tiền của ông Y thì chị làm ăn thua lỗ, cho đến nay chị chưa trả cho ông Y số tiền nào trong hai khoản nợ trên.

Nay ông Y khởi kiện yêu cầu chị phải trả số nợ gốc là 30.000.000đồng, khoản nợ gốc 70.000.000đồng và lãi phát sinh thì chị đồng ý trả nợ cho ông Y. Ngoài ra, chị không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vắng mặt, tuy nhiên theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Y về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với chị Nguyễn Thị T. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho ông Lê Minh Y số tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi suất là 19.920.000đ, tổng cộng là 119.920.000đ. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Y và bị đơn chị T vắng mặt, đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Y và chị T theo thủ tục chung là phù hợp

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xuất phát từ việc quen biết từ trước nên vào ngày 28/9/2020 ông Lê Minh Y cho chị Nguyễn Thị T vay 30.000.000đồng mục đích vay là để kinh doanh trái cây, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 28/2/2021. Đến ngày 30/9/2020 ông Y tiếp tục cho chị Nguyễn Thị T vay thêm 70.000.000đồng, mục đích vay là để kinh doanh trái cây, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. thời hạn vay là 3 tháng (ngày 30/12/2020). Quá hạn trả nợ ông Y đã đòi nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị T không trả nợ cho ông Y nên các bên phát sinh tranh chấp, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa

nguyên đơn ông Lê Minh Y với bị đơn chị Nguyễn Thị T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc:

Qua xem xét lời khai của các đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Y xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lê Minh Y xuất trình cho Tòa án 02 Giấy mượn tiền, lập ngày 28/9/2020 và ngày 30/9/2020, nội dung do ông Y viết, chữ ký và chữ viết bên dưới góc trái của các giấy mượn tiền có ghi bên vay đã nhận đủ tiền, ký xác nhận và ghi tên T. Như vậy trong năm 2020 có việc ông Y cho chị T mượn tiền là có xảy ra trên thực tế.

Quá thời hạn mượn tiền, ông Y đã đòi nhiều lần nhưng chị T không trả nợ cho ông nên phát sinh tranh chấp. Nay ông Lê Minh Y khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải trả cho ông số tiền nợ gốc 30.000.000đồng theo giấy vay tiền lập ngày 28/9/2020 và số tiền nợ gốc 70.000.000đồng theo giấy vay tiền lập ngày 30/9/2020 là có căn cứ, bởi lẽ:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T đã thừa nhận chị có mượn tiền của ông Y 2 lần: Vào ngày 28/9/2020 chị có mượn của ông Y số tiền 30.000.000đồng để buôn bán kinh doanh trái cây, khi mượn tiền của ông Y thỏa thuận thời hạn trả là ngày 28/2/2021 ghi trong giấy mượn tiền, các bên không thỏa thuận lãi. Đến ngày 30/9/2020 chị tiếp tục mượn thêm của ông Y 70.000.000đồng để buôn bán kinh doanh trái cây, thỏa thuận thời hạn vay là 3 tháng, thời hạn trả là ngày 30/12/2020 có ghi trong giấy mượn tiền, khi mượn không thỏa thuận lãi. Tổng cộng chị vay của ông Lê Minh Y là 100.000.000đồng.

Các lần mượn tiền chị và ông Y có viết giấy mượn tiền với nhau, ông Y đã giao đủ tiền và chị nhận đủ tiền, chị thừa nhận chữ ký và chữ viết bên mượn phía dưới góc trái ký tên đã nhận đủ tiền trong các giấy mượn tiền với ông Lê Minh Y là chữ ký của chị. Quá thời hạn mượn nhưng do chị làm ăn thua lỗ nên chị chưa trả cho ông Y số tiền nào trong hai khoản nợ trên.

Do vậy thể hiện có việc vay tiền giữa ông Y và chị T trên thực tế, quá hạn nhưng chị T không trả cho ông Y nên ông Y khởi kiện yêu cầu chị T phải trả số nợ gốc của 2 khoản vay là 100.000.000đồng nên cần buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho ông Y số tiền gốc là 100.000.000đ.

[3.2] Đối với yêu cầu về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại tiền lãi suất của hai khoản vay: Khoản vay 30.000.000đồng tính từ ngày 28/9/2020 đến ngày 29/9/2022 và khoản

vay 70.000.000đồng tính từ ngày 30/9/2020 đến ngày 29/9/2022 với mức lãi suất là 0,83%/tháng:

Qua xem xét thì thấy rằng tại 2 giấy vay tiền các bên không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất. Lãi suất được tính cụ thể như sau: $30.000.000đ \times 0,83\% \times 24 \text{ tháng}$, 1 ngày (từ ngày 28/9/2020 đến ngày 29/9/2022) = 5.984.300đ ; $70.000.000đ \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng}$, 29 ngày (từ ngày 30/9/2020 đến ngày 29/9/2022) = 13.924.633đ, tổng cộng tiền lãi là: 19.909.000đ (đã làm tròn).

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi suất là 19.909.000đ, tổng cộng là 119.909.000đ.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn Lê Minh Y, sinh năm 1957 là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Ông Y thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật là: $119.909.000đ \times 5\% = 5.995.000đ$ đồng. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin miễn giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị T; buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 2.997.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 266; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Y về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho ông Lê Minh Y số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng, tiền lãi suất là 19.909.000đồng, tổng cộng là 119.909.000đồng (Một trăm mười chín triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Miễn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp 2.997.500đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Anh